

Bản án số: 136/2022/HSST
Ngày: 01/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn.
2. Ông Lê Văn Rồi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 204/2021/TLST-HS, ngày 24 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HS ngày 27/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-HS ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST-HS ngày 19/7/2022 đối với các bị cáo:

1. A, sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã L, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông B và bà C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng; bị cáo đang chấp hành Bản án số 96/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đ, sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông E và bà F; vợ là G và có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày

02/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà P, địa chỉ: Xã V, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - + Ông U, địa chỉ: Xã I, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).
 - + Bà F, địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 203/CT-VKS.CC ngày 23/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử A và Đ về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 09/4/2021, Đ gặp A tại quán cà phê của T (không rõ lai lịch) tại số 222, Quốc lộ 22, ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. A rủ Đ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 68N1-109.42 chở A ngồi phía sau đi đến trước nhà số 843, đường Nguyễn Văn Khạ, ấp 1, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi thì cả hai phát hiện xe mô tô Vision màu đỏ, biển số 59Y2-765.42 do bà P làm chủ đang dựng trước nhà không có người trong giữ, chìa khóa cắm sẵn trên xe. Đ lùi xe biển số 68N1-109.42 vào mái hiên trước nhà số 843 rồi ngồi trên xe cạnh giới. A đi bộ lại lấy trộm xe mô tô biển số 59Y2-765.42 rồi điều khiển xe tẩu thoát khỏi hiện trường. Đ đề máy xe biển số 68N1-109.42 để tẩu thoát nhưng xe không nổ máy thì bị anh S, là con rể bà P, phát hiện bắt giữ Đ cùng xe mô tô hiệu Exciter biển số 68N1-109.42. Sau đó, bà P đến Công an xã Phạm Văn Cội trình báo sự việc.

Đến khoảng 21 giờ 40 cùng ngày, A cùng T đem xe mô tô hiệu Vision biển số 59Y2-765.42 vừa trộm cắp được đến tiệm cầm đồ Thành Công của ông J tại địa chỉ xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, A bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 24/5/2021, A một mình cướp giật tài sản tại ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ngày 25/5/2021, A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương bắt trong trường hợp khẩn cấp. Đến ngày 31/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với A về tội Cướp giật tài sản. Qua điều tra, A khai nhận cùng Đ trộm cắp 01 xe mô tô Vision màu đỏ, biển số 59Y2-765.42 vào ngày 09/4/2021 trước nhà số 843, đường Nguyễn Văn Khạ, ấp 1, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh như trên. Hiện nay, A đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với Đ: Dương tính.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vision, biển số 59Y2-765.42, số máy JF58E0282916, số khung 5806EY282819, đã qua sử dụng trị giá 21.000.000 đồng, tài sản thu hồi được (BL34-35).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử A và Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh luận tội như sau: Giữ nguyên quan điểm theo Cáo trạng số 203/CT-VKS.CC ngày 23/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận hai bị cáo A và Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, hành vi phạm tội của hai bị cáo là đồng phạm giản đơn do không có sự câu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể.

- Đối với bị cáo A về nhân thân: Ngày 06/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng; bị cáo đang chấp hành Bản án số 96/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án: Ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 96/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

- Đối với bị cáo Đ không có tiền án, có 01 tiền sự là ngày 02/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo tác động để mẹ của bị cáo chuộc lại xe trả cho bà P.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô Vision màu đỏ, biển số 59Y2-765.42, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã trả lại cho chủ sở hữu là bà P(BL54).

- 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 68N1-109.42, số máy: 55P1090102, số khung: RLCE55P10CY090088, là xe do bị cáo Đ đứng tên đăng ký, bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện chở bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell của bị cáo Đ không liên quan đến việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử trả cho bị cáo.

Về dân sự: Bà P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Tại đơn xác nhận ngày 23/7/2022, ông J là chủ tiệm cầm đồ Thành Công đã xác nhận mẹ của bị cáo Đ đã chuộc lại xe, ông J không có yêu cầu gì thêm nên không xét. Tại phiên tòa, bà F, là mẹ của bị cáo Đ, xác định không yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền bà đã chuộc xe để trả cho bà P nên không xét.

Hai bị cáo A và Đ không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử hai bị cáo mức án thấp nhất để hai bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, hai bị cáo A và Đ thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của hai bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện các hành vi lén lút chiếm đoạt của bà P 01 xe mô tô Vision màu đỏ, biển số 59Y2-765.42 trị giá 21.000.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hai bị cáo A và Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hai bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài hai bị cáo vẫn bất chấp. Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục hai bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[2.1] Trong vụ án này bị cáo A là người chủ mưu, rủ rê bị cáo Đ đi trộm tài sản đồng thời bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm xe của bà P, xét hành vi của hai bị cáo là đồng phạm giản đơn, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên nhất thời phạm tội, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết có tổ chức nhưng áp dụng hình phạt đối với bị cáo A nghiêm khắc hơn bị cáo Đ.

[2.2] Bị cáo A: Có 01 tiền án là ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; không có tiền sự; về nhân thân: Ngày 06/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, bị cáo đang chấp hành Bản án số 96/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo có

tình tiết tăng nặng là tái phạm, có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[2.3] Bị cáo Đ, về nhân thân chưa có tiền án, có 01 tiền sự là ngày 02/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là mẹ của bị cáo đã chuộc lại xe trả cho bà P xem như đã khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bà P làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (BL39). Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để khoan hồng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về dân sự: Bà P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2021 (BL150-151) ông U, là người quản lý của tiệm cầm đồ Thành Công do ông J làm chủ, trực tiếp nhận cầm xe mô tô biển số 59Y2-765.42 của A và T, yêu cầu A và T bồi thường 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xác nhận ngày 23/7/2022, ông J là chủ tiệm cầm đồ Thành Công xác nhận mẹ của bị cáo Đ đã chuộc lại xe, ông J không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét. Tại phiên tòa, bà F, là mẹ của bị cáo Đ, xác định không yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền bà đã chuộc xe để trả cho bà P nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 59Y2-765.42, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã trả lại cho chủ sở hữu là bà P (BL54) là phù hợp.

- 01 chiếc xe Yamaha Exciter màu đỏ đen, biển số 68N1-109.42, số máy: 55P1090102, số khung: RLCE55P10CY090088 đã qua sử dụng, không có kính chiếu hậu bên trái và phải, qua giám định số máy, số khung chiếc xe trên có biển số thật là 59C2-181.85 là xe do bị cáo Đ đứng tên đăng ký, bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện chở bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell M228 màu xanh đen đã qua sử dụng, Imei 1: 810033600859483, Imei 2: 810034600859483 của bị cáo Đ không liên quan đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử trả cho bị cáo.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo A khai nhận T đưa cho bị cáo tiền cầm xe là 2.500.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài hết, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 lẽ ra Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước. Bà F đã chuộc xe trả cho bị hại. Tại phiên tòa, bà F được Hội đồng xét xử giải thích quyền yêu cầu bị cáo A trả lại tiền chuộc xe nhưng bà F xác định bà cho bị cáo A số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc bị cáo nộp lại số tiền 2.500.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Ông U, là người quản lý của tiệm cầm đồ Thành Công do ông J làm chủ, trực tiếp nhận cầm xe mô tô biển số 59Y2-765.42 của A và T, ông U không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với ông U, Viện kiểm sát không xét là phù hợp.

[7] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "...Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án...", Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên như nêu trên là phù hợp.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố hai bị cáo A và Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt với Bản án số 96/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo A phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2021.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i và s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2021.

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trả cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Mobell M228 màu xanh đen đã qua sử dụng, Imei 1: 810033600859483, Imei 2: 810034600859483.

+ Tịch thu nộp, ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, loại xe hai bánh, màu đỏ đen, biển số 68N1-109.42, số máy: 55P1090102, số khung: RLCE55P10CY090088 đã qua sử dụng, tình trạng xe nguyên chiếc, xe không có kính chiếu hậu bên trái và phải.

Vật chứng nêu trên được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 171/PNK ngày 04/9/2021 (BL149) và phiếu nhập kho vật chứng số 177/PNK ngày 24/9/2021 (BL160).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc hai bị cáo A và Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Hai bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (07);
- Bị hại (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (02);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm